

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 6 năm 2023

HỢP ĐỒNG
Số: 06/2023/HĐ-DDCN

Gói thầu : Cung cấp lắp đặt thiết bị
Dự án : Xây dựng Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch
(Cơ sở 2)
Địa chỉ : Huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh

GIỮA

**BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH
DÂN DỤNG VÀ CÔNG NGHIỆP**

VÀ

LIÊN DANH YTV - 129



1

MỤC LỤC

PHẦN 1. THÔNG TIN GIAO DỊCH CỦA CHỦ ĐẦU TƯ VÀ NHÀ THẦU	3
PHẦN 2. CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG	5
PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG	7
Điều 1. Định nghĩa	7
Điều 3. Luật và ngôn ngữ sử dụng	8
Điều 4. Thông báo	8
Điều 5. Bảo đảm thực hiện hợp đồng	9
Điều 6. Ký hợp đồng thầu phụ	9
Điều 7. Giải quyết tranh chấp	9
Điều 8. Phạm vi cung cấp	9
Điều 9. Tiến độ giao hàng, lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan và tài liệu chứng từ.....	10
Điều 10. Trách nhiệm của Nhà thầu	10
Điều 11. Loại hợp đồng và giá hợp đồng	10
Điều 12. Thuế, phí, lệ phí	10
Điều 13. Tạm ứng	10
Điều 14. Thanh toán	11
Điều 15. Quyền tác giả	11
Điều 16. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng.....	11
Điều 17. Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn	12
Điều 18. Đóng gói hàng hoá	12
Điều 19. Bảo hiểm	12
Điều 20. Vận chuyển và các dịch vụ phát sinh.....	12
Điều 21. Kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa	13
Điều 22. Phạt và bồi thường thiệt hại	14
Điều 23. Bảo hành.....	14
Điều 24. Bồi thường vi phạm sáng chế	14
Điều 25. Thay đổi liên quan đến pháp lý.....	15
Điều 26. Bất khả kháng.....	16
Điều 27. Điều chỉnh hợp đồng	16
Điều 28. Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng	18
Điều 29. Chấm dứt hợp đồng	18
Điều 30. Hạn chế xuất khẩu.....	18
Điều 31. Yêu cầu về chất lượng sản phẩm và nghiệm thu, bàn giao sản phẩm.....	19
Điều 32. Quyết toán và thanh lý Hợp đồng.....	22
Điều 33. Điều khoản chung.....	23

PHẦN 1. THÔNG TIN GIAO DỊCH CỦA CHỦ ĐẦU TƯ VÀ NHÀ THẦU

Hôm nay, ngày 28 tháng 6 năm 2023 tại Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. Chủ đầu tư:

Tên giao dịch : **BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG VÀ CÔNG NGHIỆP**

Đại diện là : Ông **Lê Văn Dũng** Chức vụ: **Phó Giám đốc**

Địa chỉ : Số 05 Phùng Khắc Khoan, phường Đa Kao, Quận 1, Tp.HCM

Văn phòng : Số 115 Trần Quang Khải, phường Tân Định, Quận 1, TPHCM

Tài khoản : 9552.2.7444408 tại Kho bạc Nhà nước TP.HCM

Mã số thuế : 0315584775 Mã dự án: 7444408

Mã QHNS : 3029192 Điện thoại: 028.38247663

Email : bqlddcn@tphcm.gov.vn

Và bên kia là

2. Nhà thầu (Bên B): LIÊN DANH YTV – 129

2.1. Thành viên đứng đầu liên danh

Tên đơn vị : **CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ Y TẾ VIỆT**

Đại diện : Ông **Đặng Văn Cảnh** Chức vụ: **Giám đốc**

Địa chỉ : Số 9 đường Phương Nam, tổ 84 Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

Văn phòng : V5B-21 Khu đô thị Văn Phú, P. Phú La, Q. Hà Đông, Hà Nội

Điện thoại : 024.6666.2499 –

Mã số thuế : 0102162909

Tài khoản : 0581100336688 tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Thăng Long – Hà Nội

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0102162909 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 08/02/2007, thay đổi lần thứ 15 ngày 21/11/2022.

2.2. Thành viên liên danh thứ hai

Tên đơn vị : **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN 129- BAN CƠ YẾU CHÍNH PHỦ**

Đại diện : Ông **Phạm Mạnh Tuấn** Chức vụ: **Giám đốc**

Địa chỉ : Số 51, phố Quan Nhân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Điện thoại : 0243.556.8630

Mã số thuế : 0100110711

Tài khoản : 1022057371 – Tại ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam,
Chi nhánh Hà Nội

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100110711 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 12/08/2010, thay đổi lần thứ 1 ngày 27/01/2016.

2.3. Thành viên liên danh thứ ba

Tên đơn vị : **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHỆ CAO PHƯƠNG ĐÔNG**

Đại diện : Ông **Lê Duy Đông** Chức vụ: **Tổng Giám đốc**

Địa chỉ : Số 16/30 Hoa Lâm, phường Việt Hưng, quận Long Biên, TP.Hà Nội

Điện thoại : 024.3211.5758

Mã số thuế : 0106861577

Tài khoản : 0541102954007 – Tại Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Long Biên – Hà Nội

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0106861577 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 26/05/2015, thay đổi lần thứ 5 ngày 30/12/2021.

2.4. Thành viên liên danh thứ tư

Tên đơn vị : **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ BÁCH VIỆT**

Đại diện : Ông **Mai Thái Hà** Chức vụ: **Giám đốc**

Địa chỉ : Số 48 phố Đặng Thùy Trâm, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

Điện thoại : 024.3767.5666

Mã số thuế : 0102689050

Tài khoản : 1261 00000 53019 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Ba Đình, Hà Nội.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0102689050 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 19/03/2008, thay đổi lần thứ 5 ngày 12/11/2021.

2.5. Thành viên liên danh thứ năm

Tên đơn vị : **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ZINCO**

Đại diện : Bà **Đinh Thị Thu Phương** Chức vụ: **Tổng Giám đốc**

Địa chỉ : Số 7 ngách 44/8 Bàng B, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội

Điện thoại : 0904.596.586

Mã số thuế : 0108471614

Tài khoản : 0011100698888 tại Ngân hàng TMCP Quân Đội – PGD Lý Thái Tổ - chi nhánh Hoàn Kiếm

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0108471614 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 15/10/2018, thay đổi lần thứ 2 ngày 25/03/2021.

Hai bên cùng thống nhất ký hợp đồng của gói thầu Cung cấp, lắp đặt thiết bị thuộc dự án Xây dựng Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch (Cơ sở 2) như sau:

PHẦN 2. CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

Căn cứ Bộ Luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BXD ngày 03/3/2023 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 5676/QĐ-UBND ngày 10/12/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc thành lập Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố;

Căn cứ Quyết định số 967/QĐ-UBND ngày 14/3/2019 của UBND thành phố về gia hạn thời gian chuyển tiếp, bàn giao theo Quyết định số 5676/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2018 của UBND thành phố về thành lập Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố;

Căn cứ Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành quy định về nhiệm vụ, quyền hạn thực hiện các chương trình, dự án đầu tư công của thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 19/5/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về nhiệm vụ, quyền hạn thực hiện các chương trình, dự án đầu tư công của Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố;

Căn cứ Quyết định số 4618/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về giao kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn vốn ngân sách địa phương (đợt 1);

Căn cứ Quyết định số 1192/QĐ-TTg ngày 14/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Xây dựng Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch (Cơ sở 2);

Căn cứ Quyết định số 4068/QĐ-UBND ngày 27/9/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt dự án Xây dựng Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch (Cơ sở 2);

Căn cứ Quyết định số 4706/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án Xây dựng Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch (Cơ sở 2);

Căn cứ Quyết định số 1366/QĐ-UBND ngày 23/4/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án Xây dựng Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch (Cơ sở 2);

Căn cứ Quyết định số 1531/QĐ-UBND ngày 07/5/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt điều chỉnh dự án Xây dựng Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch (Cơ sở 2);

Căn cứ Quyết định số 568/QĐ-UBND ngày 28/02/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về giao kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách địa phương;

Căn cứ Quyết định số 2653/QĐ-UBND ngày 04/8/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về duyệt điều chỉnh dự án Xây dựng Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch (Cơ sở 2);

Quyết định số 2851/QĐ-UBND ngày 23/8/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc phân công phụ trách lãnh đạo, quản lý, điều hành hoạt động của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 3312/QĐ-UBND ngày 30/9/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt điều chỉnh bổ sung kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án Xây dựng Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch (Cơ sở 2);

Căn cứ Công văn số 13262/SXD-KTXD ngày 30/9/2022 của Sở Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh về thông báo kết quả thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở dự án Xây dựng Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch (Cơ sở 2);

Căn cứ Quyết định số 280/QĐ-DDCN ngày 30/8/2022 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp về phân công nhiệm vụ của Ban Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 324/QĐ-DDCN ngày 14/10/2022 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp về phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở dự án Xây dựng Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch (Cơ sở 2);

Căn cứ Quyết định số 72/QĐ-DDCN ngày 24/3/2023 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp về phê duyệt dự toán gói thầu Cung cấp, lắp đặt thiết bị thuộc dự án Xây dựng Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch (Cơ sở 2);

Căn cứ Quyết định số 135/QĐ-DDCN ngày 21/6/2023 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp về việc phê duyệt danh sách nhà thầu đạt yêu cầu về kỹ thuật gói thầu Cung cấp, lắp đặt thiết bị thuộc dự án Xây dựng Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch (Cơ sở 2);

Căn cứ Thỏa thuận liên danh ngày 03/4/2023 và Phụ lục thỏa thuận liên danh ngày 26/6/2023;

Căn cứ Quyết định số 137/QĐ-DDCN ngày 27/6/2023 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp về phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp, lắp đặt thiết bị dự án Xây dựng Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch (Cơ sở 2);

Căn cứ Thư chấp thuận Hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng ngày 27/6/2023.

PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Định nghĩa

Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- 1.1. “Chủ đầu tư” là tổ chức được quy định tại ĐKCT;
- 1.2. “Hợp đồng” là thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo;
- 1.3. “Nhà thầu” là nhà thầu trúng thầu (có thể là nhà thầu độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại ĐKCT;
- 1.4. “Nhà thầu phụ” là nhà thầu có tên trong danh sách các nhà thầu phụ do Nhà thầu đề xuất trong HSDT và được Nhà thầu ký hợp đồng để thực hiện dịch vụ liên quan;

1.5. “Tài liệu hợp đồng” là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng;

1.6. “Giá hợp đồng” là tổng số tiền ghi trong hợp đồng cho việc cung cấp hàng hoá và dịch vụ liên quan. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có);

1.7. “Ngày” là ngày dương lịch; “năm” là 365 ngày;

1.8. “Hàng hóa” bao gồm máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phụ tùng; hàng tiêu dùng; trang thiết bị y tế dùng cho các cơ sở y tế;

1.9. “Dịch vụ liên quan” bao gồm các dịch vụ như lắp đặt, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa ban đầu, bảo hiểm lắp đặt, bảo hiểm sửa chữa hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác như đào tạo, chuyển giao công nghệ...;

1.10. “Hoàn thành” là việc Nhà thầu hoàn tất các dịch vụ liên quan theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng;

1.11. “Địa điểm dự án” là địa điểm được quy định tại ĐKCT.

Điều 2: Tài liệu hợp đồng và thứ tự ưu tiên

2.1. Tất cả các tài liệu nêu tại Mục 2.2 Điều này (bao gồm cả các phần của tài liệu) sẽ cấu thành Hợp đồng để tạo thành thể thống nhất, có tính tương hỗ, bổ sung và giải thích cho nhau.

2.2. Các tài liệu cấu thành Hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây:

- a) Hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;
- b) Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
- c) Thư chấp thuận HSDT và trao hợp đồng;
- d) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
- đ) ĐKCT;
- e) ĐKC;
- g) HSDT và các văn bản làm rõ HSDT của Nhà thầu;
- h) HSMT và các tài liệu sửa đổi HSMT (nếu có);
- i) Các tài liệu khác có liên quan.

Điều 3. Luật và ngôn ngữ sử dụng

3.1. Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

3.2. Ngôn ngữ sử dụng cho hợp đồng là tiếng Việt.

Điều 4. Thông báo

4.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản. Thuật ngữ “bằng văn bản” hay “văn bản” là bản ghi bằng tay, đánh máy, được in ra hoặc thông qua phương tiện điện tử dưới hình thức

thông điệp dữ liệu theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử và sau đó được lưu trữ lâu dài.

4.2. Thông báo của một bên sẽ được coi là có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.

Điều 5. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

5.1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được nộp lên Chủ đầu tư không muộn hơn ngày quy định tại Thư chấp thuận HSDT và trao hợp đồng. Bảo đảm thực hiện hợp đồng được thực hiện bằng cách nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam và là bảo đảm không có điều kiện (trả tiền khi có yêu cầu). Bảo đảm thực hiện hợp đồng có giá trị và hiệu lực [quy định tại ĐKCT].

5.2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Chủ đầu tư để bồi thường cho bất kỳ tổn thất nào phát sinh do Nhà thầu không hoàn thành các nghĩa vụ hợp đồng.

5.3. Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng theo [quy định tại ĐKCT].

Điều 6. Ký hợp đồng thầu phụ

6.1. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ quy định tại ĐKCT để thực hiện dịch vụ liên quan nêu trong HSDT. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do nhà thầu phụ thực hiện.

Việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ ngoài danh sách các nhà thầu phụ đã được nêu tại Mục này chỉ được thực hiện khi có lý do xác đáng, hợp lý và được Chủ đầu tư chấp thuận.

6.2. Nhà thầu có trách nhiệm thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho nhà thầu phụ theo các điều khoản thỏa thuận giữa Nhà thầu và nhà thầu phụ.

6.3. Nhà thầu không được sử dụng nhà thầu phụ cho các công việc khác ngoài công việc kê khai sử dụng nhà thầu phụ nêu trong HSDT.

Điều 7. Giải quyết tranh chấp

7.1. Chủ đầu tư và Nhà thầu có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

7.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian quy định tại ĐKCT kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được quy định tại ĐKCT.

Điều 8. Phạm vi cung cấp

Hàng hóa và dịch vụ liên quan phải được cung cấp theo quy định tại Mẫu 01A - Phạm vi cung cấp Chương IV của HSMT.

Điều 9. Tiến độ giao hàng, lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan và tài liệu chứng từ.

9.1. Thời gian thực hiện hợp đồng: 24 tháng.

9.2. Tiến độ giao hàng:

Tiến độ giao hàng và lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan phải được thực hiện theo quy định tại Mẫu số 01A - Phạm vi cung cấp Chương IV của HSMT.

Nhà thầu phải cung cấp các hoá đơn, chứng từ tài liệu khác theo quy định tại ĐKCT.

Điều 10. Trách nhiệm của Nhà thầu

10.1. Nhà thầu phải cung cấp toàn bộ hàng hóa và dịch vụ liên quan trong phạm vi cung cấp quy định tại Điều 8 ĐKC và theo tiến độ giao hàng, lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan quy định tại Điều 9 ĐKC.

10.2. Nhà thầu không được thay đổi nhân sự chủ chốt (nhân sự đã đề xuất trong HSDT), trừ trường hợp do thời gian đánh giá HSDT kéo dài hơn so với quy định hoặc vì lý do bất khả kháng mà các vị trí nhân sự chủ chốt do nhà thầu đã đề xuất không thể tham gia thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp đó, nhà thầu được quyền thay đổi nhân sự khác nhưng phải bảo đảm nhân sự dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm, năng lực tương đương hoặc cao hơn với nhân sự đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu.

Điều 11. Loại hợp đồng và giá hợp đồng

11.1. Loại hợp đồng: theo quy định tại ĐKCT

11.2. Giá hợp đồng quy định tại ĐKCT là toàn bộ chi phí để hoàn thành việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ liên quan của gói thầu nêu trong Bảng giá hợp đồng trên cơ sở bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của gói thầu.

Điều 12. Thuế, phí, lệ phí

12.1. Nhà thầu chịu trách nhiệm đối với toàn bộ chi phí về thuế, phí, lệ phí phát sinh cho đến khi hàng hóa được giao cho Chủ đầu tư.

12.2. Trường hợp Nhà thầu thuộc đối tượng được miễn, giảm thuế, phí, lệ phí, Chủ đầu tư tạo điều kiện tối đa cho Nhà thầu áp dụng các chính sách miễn, giảm thuế, phí, lệ phí.

12.3. Việc điều chỉnh thuế thực hiện theo quy định tại ĐKCT.

Điều 13. Tạm ứng

13.1. Chủ đầu tư sẽ tạm ứng cho Nhà thầu khoản tiền tạm ứng theo quy định tại ĐKCT, sau khi Nhà thầu nộp Bảo lãnh tạm ứng tương đương với khoản tiền tạm ứng. Bảo lãnh tạm ứng phải được phát hành bởi một tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam và được Ngân hàng cam kết thanh

toán vô điều kiện mà không cần chứng minh hay chỉ rõ các căn cứ hay lý do yêu cầu, cũng như không cần có sự đồng ý của Nhà thầu.

13.2. Nhà thầu chỉ được sử dụng tiền tạm ứng cho việc thực hiện Hợp đồng. Nhà thầu phải chứng minh rằng khoản tiền tạm ứng được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng. Nhà thầu sẽ bị thu hồi giá trị bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp sử dụng tiền tạm ứng không đúng mục đích.

Điều 14. Thanh toán

14.1. Yêu cầu thanh toán của Nhà thầu phải được gửi cho Chủ đầu tư bằng văn bản, kèm theo hóa đơn mô tả hàng hóa đã bàn giao và các dịch vụ liên quan đã thực hiện, cùng với chứng từ nộp theo quy định tại Điều 9 ĐKC và gửi yêu cầu thanh toán khi đã hoàn thành các nghĩa vụ khác quy định trong hợp đồng.

14.2. Việc thanh toán thực hiện theo quy định tại ĐKCT.

14.3. Đồng tiền thanh toán là Việt Nam đồng.

Điều 15. Quyền tác giả

Quyền tác giả đối với tất cả các bản vẽ, tài liệu và hồ sơ chứa đựng thông tin và dữ liệu mà Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư vẫn thuộc về Nhà thầu. Trường hợp các bản vẽ, tài liệu và hồ sơ đó được cung cấp cho Chủ đầu tư một cách trực tiếp hoặc thông qua Nhà thầu bởi một bên thứ ba thì quyền tác giả đối với các bản vẽ, tài liệu và hồ sơ thuộc về bên thứ ba đó.

Điều 16. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng

16.1. Chủ đầu tư và Nhà thầu phải bảo mật bất kỳ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin nào khác liên quan đến hợp đồng do một bên cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp cho bên kia, không được tiết lộ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó cho bên thứ ba nếu không có văn bản đồng ý của bên kia cho dù tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó được cung cấp trước, trong hoặc sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng. Nhà thầu có thể chuyển cho nhà thầu phụ các tài liệu, dữ liệu và thông tin phù hợp do Chủ đầu tư cung cấp để nhà thầu phụ thực hiện công việc của mình theo hợp đồng; trong trường hợp này, nhà thầu phụ phải có cam kết với Nhà thầu về việc bảo mật các tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó.

16.2. Chủ đầu tư không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Nhà thầu cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến hợp đồng. Nhà thầu không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Chủ đầu tư cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến việc thực hiện hợp đồng.

16.3. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư và Nhà thầu quy định tại Mục 16.1 và Mục 16.2 ĐKC không áp dụng đối với các thông tin sau đây:

a) Thông tin mà Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu cần cung cấp cho cấp có thẩm quyền;

b) Thông tin đã hoặc sẽ được công bố mà không phải do lỗi của Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu;

c) Thông tin thuộc sở hữu của một bên vào thời điểm công bố và trước đó không phải do bên kia cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp;

d) Thông tin mà một bên nhận được một cách hợp pháp từ một bên thứ ba không có nghĩa vụ bảo mật thông tin.

16.4. Các quy định tại Mục 16 ĐKC không làm thay đổi bất kỳ cam kết bảo mật nào do một bên đưa ra trước ngày ký hợp đồng liên quan đến việc cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

16.5. Các quy định tại Mục 16 ĐKC tiếp tục có hiệu lực sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng vì bất cứ lý do gì.

Điều 17. Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn

Hàng hóa và các dịch vụ liên quan được cung cấp theo hợp đồng sẽ phải tuân theo các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn tương đương hoặc cao hơn tiêu chuẩn hiện hành tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hóa có xuất xứ.

Điều 18. Đóng gói hàng hoá

18.1. Nhà thầu phải đóng gói hàng hóa đúng yêu cầu nhằm tránh hư hỏng trong quá trình vận chuyển đến địa điểm dự án theo quy định trong hợp đồng. Trong quá trình vận chuyển, bao gói hàng hóa phải đủ chắc chắn để chịu được những va chạm mạnh, nhiệt độ quá cao hoặc quá thấp, trong nước mặn, nước mưa và ở ngoài trời. Kích thước và trọng lượng của mỗi kiện hàng phải tính đến điều kiện vận chuyển như khoảng cách, phương tiện vận chuyển, điều kiện cơ sở hạ tầng... từ nơi xuất hàng đến địa điểm dự án.

18.2. Việc đóng gói, ghi chú đối với hàng hóa, các giấy tờ bên trong và bên ngoài kiện hàng phải tuân thủ các yêu cầu cụ thể trong hợp đồng, bao gồm cả các yêu cầu (nếu có) quy định ở ĐKCT và các chỉ dẫn khác của Chủ đầu tư.

Điều 19. Bảo hiểm

Trừ trường hợp có quy định khác tại ĐKCT, hàng hóa cung cấp theo hợp đồng phải được bảo hiểm đầy đủ cho các tổn thất, hư hại có thể xảy ra trong quá trình sản xuất hoặc tiếp nhận, vận chuyển, lưu kho và giao hàng theo quy định tại ĐKCT.

Điều 20. Vận chuyển và các dịch vụ phát sinh

20.1. Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa và các yêu cầu khác quy định tại ĐKCT.

20.2. Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu cung cấp một hoặc một số dịch vụ sau đây:

a) Thực hiện việc lắp đặt hoặc giám sát việc lắp đặt tại hiện trường, chạy thử hàng hóa;

- b) Cung cấp các dụng cụ cần thiết để lắp ráp, bảo dưỡng hàng hóa;
- c) Cung cấp tài liệu chi tiết hướng dẫn vận hành và bảo dưỡng cho từng loại hàng hóa;
- d) Vận hành hoặc giám sát hoặc bảo dưỡng, sửa chữa hàng hóa trong khoảng thời gian đã được các bên thỏa thuận, với điều kiện là dịch vụ này sẽ không miễn trừ cho Nhà thầu khỏi bất kỳ nghĩa vụ bảo hành nào theo hợp đồng này;
- đ) Hướng dẫn nhân sự của Chủ đầu tư về cách lắp đặt, chạy thử, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa hàng hóa.
- e) Các dịch vụ khác có liên quan.

20.3. Trường hợp phát sinh dịch vụ ngoài hợp đồng, Chủ đầu tư và Nhà thầu thương thảo về chi phí thực hiện dịch vụ, bảo đảm không vượt quá mức giá mà Nhà thầu áp dụng cho dịch vụ tương tự trong các hợp đồng khác.

Điều 21. Kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa

21.1. Nhà thầu phải tiến hành tất cả các thử nghiệm, kiểm tra đối với hàng hóa và dịch vụ liên quan theo quy định tại ĐKCT và chịu toàn bộ chi phí thử nghiệm, kiểm tra.

21.2. Việc kiểm tra và thử nghiệm có thể được tiến hành theo quy định tại ĐKCT. Theo quy định tại Mục 21.3 ĐKC, trường hợp tiến hành tại cơ sở của Nhà thầu hoặc cơ sở khác thì cán bộ kiểm tra phải được cung cấp tất cả phương tiện và hỗ trợ cần thiết, kể cả việc tiếp cận bản vẽ và dữ liệu sản xuất; Chủ đầu tư không phải chịu bất kỳ chi phí nào cho các phương tiện và hỗ trợ này.

21.3. Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư có quyền tham dự các buổi thử nghiệm, kiểm tra quy định tại Mục 21.2 ĐKC, với điều kiện là Chủ đầu tư chịu tất cả các chi phí phát sinh liên quan đến việc tham dự, bao gồm cả chi phí đi lại, lưu trú.

21.4. Trước khi tiến hành kiểm tra, thử nghiệm, Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư về địa điểm và thời gian tiến hành kiểm tra, thử nghiệm. Trường hợp phải được sự chấp thuận của bên thứ ba hoặc nhà sản xuất để Chủ đầu tư tham gia kiểm tra, thử nghiệm, Nhà thầu phải có văn bản đồng ý của các bên liên quan này.

21.5. Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu tiến hành thử nghiệm, kiểm tra ngoài hợp đồng nhưng cần thiết để khẳng định hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật, hiệu suất đáp ứng yêu cầu của hợp đồng, với điều kiện là các chi phí hợp lý để tiến hành thử nghiệm, kiểm tra đó được cộng thêm vào giá hợp đồng. Trường hợp thử nghiệm, kiểm tra làm chậm tiến độ sản xuất và tiến độ thực hiện các nghĩa vụ khác của Nhà thầu theo hợp đồng, Chủ đầu tư xem xét điều chỉnh ngày giao hàng, ngày hoàn thành dịch vụ liên quan và các nghĩa vụ khác bị ảnh hưởng.

21.6. Nhà thầu phải gửi cho Chủ đầu tư báo cáo kết quả của tất cả các thử nghiệm, kiểm tra.

21.7. Chủ đầu tư có quyền từ chối bất kỳ hàng hóa, bộ phận hàng hóa nào không đáp ứng yêu cầu trong các buổi kiểm tra, thử nghiệm hoặc không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng. Nhà thầu phải thay thế bằng hàng hóa, bộ phận hàng hóa khác hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để phù hợp với các đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng và phải chịu tất cả chi phí liên quan đến việc thay thế hoặc điều chỉnh này. Sau đó Nhà thầu phải tiến hành kiểm tra, thử nghiệm lại và chịu tất cả chi phí phát sinh, đồng thời thông báo cho Chủ đầu tư theo quy định tại Mục 21.4 ĐKC.

21.8. Việc Nhà thầu thực hiện thử nghiệm, kiểm tra hàng hóa, bộ phận hàng hóa, việc Chủ đầu tư hay đại diện của Chủ đầu tư tham dự các buổi thử nghiệm, kiểm tra, hay việc báo cáo kết quả thử nghiệm, kiểm tra theo quy định tại Mục 21.6 ĐKC, không miễn trừ cho Nhà thầu nghĩa vụ bảo hành hoặc các nghĩa vụ khác theo hợp đồng.

Điều 22. Phạt và bồi thường thiệt hại

Phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại theo quy định tại ĐKCT.

Điều 23. Bảo hành

23.1. Nhà thầu bảo đảm cung cấp hàng hóa mới, chưa qua sử dụng theo đúng đề xuất đã nêu trong HSDT.

23.2. Nhà thầu bảo đảm hàng hóa không phát sinh khiếm khuyết do bất kỳ hành động hay sơ suất nào từ phía Nhà thầu hoặc do thiết kế, vật liệu hoặc kỹ thuật chế tạo khi hàng hóa được sử dụng bình thường trong các điều kiện phổ biến tại Việt Nam.

23.3. Thời hạn bảo hành và địa điểm áp dụng bảo hành quy định tại ĐKCT.

23.4. Trường hợp phát hiện khiếm khuyết của hàng hóa, Chủ đầu tư kịp thời thông báo cho Nhà thầu, kèm theo tài liệu chứng minh. Chủ đầu tư tạo điều kiện cho Nhà thầu tiến hành kiểm tra các khiếm khuyết đó.

23.5. Sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư về việc hàng hóa có khiếm khuyết, Nhà thầu phải kịp thời sửa chữa hoặc thay thế hàng hóa có khiếm khuyết trong thời hạn quy định tại ĐKCT và chịu toàn bộ chi phí sửa chữa, thay thế.

23.6. Trường hợp đã được thông báo nhưng Nhà thầu không tiến hành sửa chữa khiếm khuyết của hàng hóa trong thời hạn quy định tại ĐKCT, Chủ đầu tư có thể tự sửa chữa (nếu cần thiết). Nhà thầu phải chịu tất cả rủi ro và chi phí liên quan. Việc Chủ đầu tư tự sửa chữa khiếm khuyết của hàng hóa không ảnh hưởng đến các quyền khác của Chủ đầu tư đối với Nhà thầu theo hợp đồng.

Điều 24. Bồi thường vi phạm sáng chế

24.1. Với điều kiện là Chủ đầu tư tuân thủ Mục 24.2 ĐKC, Nhà thầu có nghĩa vụ bồi thường, bảo đảm Chủ đầu tư và nhân sự của Chủ đầu tư không bị tổn hại bởi bất kỳ vụ kiện tụng, thủ tục hành chính, khiếu nại, yêu cầu, tổn thất, thiệt hại, chi phí nào, bao gồm cả chi phí thuê luật sư vì có vi phạm hoặc cáo buộc vi phạm sáng chế, mẫu hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, quyền tác giả hoặc các quyền sở hữu trí

tuệ khác đã đăng ký hoặc tồn tại vào ngày ký hợp đồng mà các vi phạm hoặc cáo buộc vi phạm đó liên quan tới:

a) Việc lắp đặt hàng hóa do Nhà thầu thực hiện hoặc việc sử dụng hàng hóa tại Việt Nam;

b) Việc bán các sản phẩm được sản xuất từ hàng hóa.

Việc bồi thường nêu trên không áp dụng đối với các trường hợp sau: sử dụng hàng hóa hoặc bất kỳ phần nào của hàng hóa ngoài mục đích nêu trong hợp đồng hoặc phát sinh hợp lý từ hợp đồng; có hành vi vi phạm do sử dụng hàng hóa hoặc bất kỳ phần nào của hàng hóa, hay bất kỳ sản phẩm nào được sản xuất từ hàng hóa có sự kết hợp các thiết bị, nhà xưởng hoặc vật tư khác không phải do Nhà thầu cung cấp theo hợp đồng.

24.2. Trường hợp xảy ra kiện tụng hoặc khiếu nại đối với Chủ đầu tư liên quan tới các vấn đề quy định tại Mục 24.1 ĐKC, Chủ đầu tư có nghĩa vụ thông báo kịp thời cho Nhà thầu. Nhà thầu có thể nhân danh Chủ đầu tư giải quyết kiện tụng hoặc khiếu nại đó hoặc thương thảo để giải quyết kiện tụng hoặc khiếu nại đó và chịu trách nhiệm đối với các chi phí liên quan.

24.3. Trong vòng 28 ngày kể từ khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư, trường hợp Nhà thầu không thông báo cho Chủ đầu tư về ý định giải quyết kiện tụng hay khiếu nại đó, Chủ đầu tư sẽ tự giải quyết.

24.4. Trường hợp được yêu cầu, Chủ đầu tư hỗ trợ Nhà thầu giải quyết vụ kiện tụng hay khiếu nại đó và sẽ được Nhà thầu hoàn trả mọi chi phí hợp lý phát sinh.

24.5. Chủ đầu tư có nghĩa vụ bồi thường, đảm bảo Nhà thầu, nhà thầu phụ, nhân sự của Nhà thầu không bị tổn hại bởi bất kỳ vụ kiện tụng, thủ tục hành chính, khiếu nại, yêu cầu, tổn thất, thiệt hại, chi phí nào, bao gồm cả chi phí thuê luật sư vì có vi phạm hoặc cáo buộc vi phạm sáng chế, mẫu hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, quyền tác giả hoặc các quyền sở hữu trí tuệ khác đã đăng ký hoặc tồn tại vào ngày ký hợp đồng mà các vi phạm hoặc cáo buộc vi phạm đó phát sinh từ hoặc liên quan đến bất kỳ thiết kế, dữ liệu, bản vẽ, thông số kỹ thuật hoặc các tài liệu và hồ sơ nào được cung cấp hoặc thiết kế bởi Chủ đầu tư hoặc thay mặt Chủ đầu tư

Điều 25. Thay đổi liên quan đến pháp lý

Trừ trường hợp có quy định khác tại hợp đồng, kể từ 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu trở về sau, nếu có bất kỳ chính sách nào được ban hành, thay thế, sửa đổi hoặc tuyên bố hết hiệu lực tại Việt Nam gây ảnh hưởng đến ngày giao hàng hoặc giá hợp đồng thì ngày giao hàng hoặc giá hợp đồng phải được điều chỉnh tương ứng với mức độ ảnh hưởng của nhà thầu khi thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng. Phân tăng hoặc giảm giá hợp đồng không được thanh toán riêng hay ghi nhận khoản phải trả riêng nếu việc tăng hoặc giảm giá hợp đồng này đã được quy định tại Mục 11 ĐKC.

Điều 26. Bất khả kháng

26.1. Nhà thầu không bị tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng, không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại hay bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng nếu rơi vào các sự kiện bất khả kháng gây cản trở tiến độ thực hiện hợp đồng hoặc không thể thực hiện nghĩa vụ hợp đồng.

26.2. Khi xảy ra sự việc bất khả kháng, việc một bên không thực hiện được bất kỳ một nghĩa vụ nào của mình sẽ không bị coi là vi phạm hay phá vỡ Hợp đồng, với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi sự việc này: (a) đã tiến hành những biện pháp ngăn ngừa hợp lý, cẩn trọng và các biện pháp thay thế cần thiết, tất cả với mục đích thực hiện được những điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, và (b) phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong phạm vi Hợp đồng chừng nào việc thực hiện này còn hợp lý và thực tế.

26.3. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được và khiến cho việc thực hiện hợp đồng là không khả thi mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các chính sách, quy định của Nhà nước.

26.4. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

Nhà thầu bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để hạn chế hậu quả của sự việc bất khả kháng.

26.5. Thời hạn mà một bên phải hoàn thành một công việc theo Hợp đồng này được gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng đúng thời gian bên đó không thể thực hiện được công việc do sự kiện bất khả kháng gây ra.

Điều 27. Điều chỉnh hợp đồng

27.1. Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu sửa đổi, bổ sung các nội dung sau đây trong phạm vi công việc của hợp đồng:

- a) Thay đổi bản vẽ, thiết kế công nghệ hoặc yêu cầu kỹ thuật đối với trường hợp hàng hóa cung cấp theo hợp đồng được đặt hàng sản xuất cho riêng Chủ đầu tư;
 - b) Thay đổi phương thức vận chuyển hoặc đóng gói;
 - c) Thay đổi địa điểm giao hàng;
 - d) Thay đổi dịch vụ liên quan.
- đ) Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 28 ĐKC.

27.2. Trường hợp việc sửa đổi, bổ sung các nội dung trong phạm vi công việc của hợp đồng quy định tại Mục 27.1 ĐKC làm thay đổi chi phí hoặc thời gian thực hiện

bất kỳ điều khoản nào trong hợp đồng, giá hợp đồng hoặc ngày giao hàng, ngày hoàn thành dịch vụ liên quan phải được điều chỉnh tương ứng và hai bên tiến hành sửa đổi, bổ sung hợp đồng. Yêu cầu của Nhà thầu về việc điều chỉnh giá hợp đồng, ngày giao hàng hoặc ngày hoàn thành phải được tiến hành trong vòng 28 ngày, kể từ ngày Nhà thầu nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư về việc sửa đổi, bổ sung nội dung công việc của hợp đồng.

27.3. Trường hợp Nhà thầu cung cấp hàng hóa với phiên bản mới của cùng hãng sản xuất, có cùng xuất xứ, có tính năng kỹ thuật, cấu hình, thông số... tương đương hoặc tốt hơn phiên bản hàng hóa Nhà thầu đề xuất trong HSDT và đáp ứng yêu cầu HSMT thì Nhà thầu phải thông báo trước bằng văn bản cho Chủ đầu tư để Chủ đầu tư xem xét. Trong trường hợp này, căn cứ nhu cầu sử dụng, Chủ đầu tư có thể chấp thuận đề xuất của Nhà thầu với điều kiện là đơn giá và các điều kiện khác của hợp đồng không thay đổi.

27.4. Trường hợp cần thực hiện các dịch vụ liên quan chưa nêu trong hợp đồng, Chủ đầu tư và Nhà thầu tiến hành thương thảo, bảo đảm đơn giá phù hợp giá cả thị trường.

27.5. Chủ đầu tư và Nhà thầu sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng trong trường hợp sửa đổi, bổ sung hợp đồng.

27.6. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, nhà thầu có thể đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí bao gồm ít nhất các nội dung sau đây:

a) Nội dung giải pháp, giải thích sự khác biệt so với các yêu cầu theo hợp đồng đã ký kết;

b) Phân tích toàn diện chi phí và lợi ích của giải pháp bao gồm mô tả và ước tính các chi phí (bao gồm cả chi phí vòng đời) có thể phát sinh cho Chủ đầu tư trong trường hợp chấp thuận đề xuất của Nhà thầu;

c) Tác động của giải pháp đối với hiệu quả thực hiện hợp đồng.

27.7. Chủ đầu tư có thể chấp thuận đề xuất của Nhà thầu nếu đề xuất này chứng minh được một trong các lợi ích dưới đây mà không làm ảnh hưởng đến các chức năng cần thiết của hàng hóa:

a) Rút ngắn thời gian giao hàng;

b) Giảm giá hợp đồng hoặc chi phí vòng đời cho Chủ đầu tư;

c) Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoặc tính bền vững của hàng hóa trong hợp đồng;

d) Bất kỳ lợi ích nào khác cho Chủ đầu tư.

Trường hợp đề xuất của Nhà thầu được Chủ đầu tư chấp thuận và làm giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu theo tỷ lệ quy định tại ĐKCT đối với phần giá trị giảm giá hợp đồng.

Trường hợp đề xuất của Nhà thầu được Chủ đầu tư chấp thuận và làm tăng giá hợp đồng nhưng giảm chi phí vòng đời do tác động của các yếu tố quy định tại các điểm a,

b, c và d Mục này, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu theo phần giá trị tăng giá hợp đồng.

Điều 28. Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng

28.1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp phát sinh các điều kiện bất lợi, cản trở Nhà thầu hoặc nhà thầu phụ trong việc cung cấp hàng hóa và lịch thực hiện các dịch vụ liên quan quy định tại Điều 9 ĐKC, Nhà thầu phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho Chủ đầu tư về việc chậm tiến độ, nguyên nhân, khoảng thời gian chậm tiến độ. Trên cơ sở thông báo của Nhà thầu, Chủ đầu tư phải nhanh chóng đánh giá tình hình và có thể xem xét gia hạn hợp đồng. Trường hợp Chủ đầu tư đồng ý gia hạn, các bên tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục sửa đổi, bổ sung hợp đồng.

28.2. Trừ trường hợp bất khả kháng quy định tại Điều 26 ĐKC, Nhà thầu giao hàng chậm hoặc hoàn thành dịch vụ liên quan chậm có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định tại Điều 22 ĐKC.

Điều 29. Chấm dứt hợp đồng

29.1. Chấm dứt hợp đồng do sai phạm

a) Chủ đầu tư có thể chấm dứt một phần hoặc toàn bộ hợp đồng mà không gây tổn hại đến các biện pháp khắc phục vi phạm hợp đồng khác bằng cách thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu về sai phạm trong hợp đồng trong các trường hợp sau:

(i) Nhà thầu không thể bàn giao hàng hóa hoặc một phần hàng hóa trong thời hạn quy định theo hợp đồng, hoặc trong thời gian gia hạn theo quy định tại Mục 28 ĐKC;

(ii) Nhà thầu không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào khác theo hợp đồng;

(iii) Chủ đầu tư xác định Nhà thầu vi phạm một trong các hành vi bị cấm quy định tại Điều 89 Luật Đấu thầu trong quá trình đấu thầu hoặc thực hiện hợp đồng;

b) Trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt một phần hoặc toàn bộ hợp đồng theo điểm a Mục này, Chủ đầu tư có thể mua sắm hàng hóa và dịch vụ liên quan tương tự như các hàng hóa và dịch vụ chưa được thực hiện theo các điều khoản và phương thức phù hợp. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm bồi thường cho Chủ đầu tư các chi phí phát sinh từ việc mua hàng hóa và dịch vụ tương tự đó. Tuy nhiên, Nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt.

29.2. Chấm dứt hợp đồng do mất khả năng thanh toán

Trường hợp Nhà thầu phá sản hoặc mất khả năng thanh toán, Chủ đầu tư có thể chấm dứt hợp đồng vào bất kỳ thời điểm nào bằng cách gửi thông báo cho Nhà thầu. Trong trường hợp đó, hợp đồng sẽ chấm dứt và Nhà thầu không được bồi thường với điều kiện là việc chấm dứt hợp đồng không gây tổn hại hoặc ảnh hưởng đến bất kỳ quyền khởi kiện hoặc biện pháp khắc phục của Chủ đầu tư trước đó hoặc sau đó.

Điều 30. Hạn chế xuất khẩu

Trường hợp quốc gia, vùng lãnh thổ cung cấp hàng hóa, dịch vụ có các quy định thương mại dẫn tới việc hạn chế xuất khẩu, gây khó khăn cho Nhà thầu trong việc thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng, Nhà thầu không bắt buộc phải hoàn thành nghĩa vụ giao

hàng, thực hiện dịch vụ với điều kiện là Nhà thầu cung cấp cho Chủ đầu tư các tài liệu chứng minh việc đã hoàn thành tất cả các thủ tục xuất khẩu cần thiết, bao gồm cả xin giấy phép hoặc ủy quyền để xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ theo hợp đồng. Trong trường hợp này, Chủ đầu tư có thể chấm dứt hợp đồng với Nhà thầu.

Điều 31. Yêu cầu về chất lượng sản phẩm và nghiệm thu, bàn giao sản phẩm

1. Yêu cầu về chất lượng sản phẩm của hợp đồng:

a) Toàn bộ hàng hóa phải đạt các tiêu chuẩn kỹ thuật và phù hợp với các yêu cầu đã nêu trong HSMT. Nhà thầu phải cung cấp các tài liệu kỹ thuật mô tả từng loại thiết bị và vật tư.

b) Hàng hóa thiết bị phải được sản xuất hoặc nhập khẩu đồng bộ và chính hãng. Nhà thầu phải cung cấp cho chủ đầu tư đầy đủ bản sao công chứng giấy Chứng nhận xuất xứ CO và chứng chỉ chất lượng CQ (đối với hàng hóa nhập khẩu nguyên chiếc), giấy chứng nhận xuất xưởng đi kèm theo thiết bị đối với các thiết bị sản xuất trong nước.

c) Nhà thầu cung cấp các thiết bị phải là những thiết bị mới 100%, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, hợp pháp, có đầy đủ mã ký hiệu, nhãn mác sản phẩm theo quy định hiện hành và được phép lưu hành ở Việt Nam; hàng chính hãng, nguyên đai, nguyên kiện, phù hợp với công nghệ hiện đại, điều kiện thời tiết, khí hậu Việt Nam, đạt các tiêu chuẩn kỹ thuật trong Hồ sơ mời thầu và phù hợp với tiêu chuẩn hiện hành của Việt Nam.

d) Trong quá trình gia công, sản xuất, chế tạo và lắp đặt thiết bị nhà thầu phải có giải pháp thi công tránh ảnh hưởng đến môi trường. Nhà thầu phải lắp đặt hoàn chỉnh, đồng bộ tại hiện trường. Chạy thử và hoạt động ổn định liên tục 24 giờ trước khi nghiệm thu.

đ) Hàng hóa phải được đóng trong các thùng các-tông kín hoặc bằng gỗ có đóng đai chắc chắn, trên bề mặt thùng có ghi rõ số lượng và chủng loại các vật tư ở bên trong và trong tình trạng nguyên đai, nguyên kiện. Các loại vật tư, phụ kiện rời nếu không thể đóng gói như trên thì phải thỏa thuận với Chủ đầu tư trước khi giao hàng.

e) Công tác lắp đặt do Nhà thầu chủ động thực hiện đúng tiến độ và thời gian đã cam kết trong Hợp đồng. Công tác lắp đặt tuyệt đối phải tuân thủ theo đúng yêu cầu quy trình, quy phạm, an toàn, các yêu cầu của nhà sản xuất đề ra, các khuyến cáo trong công tác lắp đặt và các yêu cầu do cán bộ giám sát kỹ thuật của Chủ đầu tư đề ra.

2. Kiểm tra, giám sát của chủ đầu tư:

- Chủ đầu tư được quyền vào các nơi trên công trường và các nơi khai thác nguyên vật liệu tự nhiên của Nhà thầu để kiểm tra;

- Trong quá trình sản xuất, gia công, chế tạo và xây dựng ở trên công trường, nơi được quy định trong Hợp đồng Chủ đầu tư được quyền kiểm tra, kiểm định, đo lường, thử các loại vật liệu, và kiểm tra quá trình gia công, chế tạo thiết bị, sản xuất vật liệu.

+ Nhà thầu sẽ tạo mọi điều kiện cho người của Chủ đầu tư để tiến hành các hoạt động này, bao gồm cả việc cho phép ra vào, cung cấp các phương tiện, các giấy phép và thiết bị an toàn. Những hoạt động này không làm giảm đi bất cứ nghĩa vụ hoặc trách nhiệm nào của Nhà thầu.

+ Đối với các công việc mà người của Chủ đầu tư được quyền xem xét đo lường và kiểm định, Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư biết khi bất kỳ công việc nào như vậy đã xong và trước khi được phủ lấp, hoặc không còn được nhìn thấy hoặc đóng gói để lưu kho hoặc vận chuyển. Khi đó Chủ đầu tư sẽ tiến hành ngay việc kiểm tra, giám định, đo lường hoặc kiểm định không được chậm trễ mà không cần lý do, hoặc thông báo ngay cho Nhà thầu là Chủ đầu tư không đòi hỏi phải làm như vậy.

3. Nghiệm thu sản phẩm các công việc hoàn thành:

a) Chủ đầu tư chỉ nghiệm thu các sản phẩm của hợp đồng khi sản phẩm của các công việc này đảm bảo chất lượng theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

- Đối với các thiết bị nhập khẩu các bên có thể tổ chức nghiệm thu tại công trình hoặc tại kho của Nhà thầu.

- Sau khi nhà thầu cung cấp toàn bộ thiết bị đến chân công trình hai bên sẽ tổ chức nghiệm thu liên động không tải.

b) Căn cứ nghiệm thu sản phẩm của hợp đồng là: Hợp đồng đã ký kết giữa các bên; Hồ sơ mời thầu; Hồ sơ dự thầu của Nhà thầu và các quy định khác có liên quan.

c) Hồ sơ nghiệm thu, bàn giao gồm:

- Biên bản nghiệm thu chất lượng, khối lượng hoàn thành được các bên thống nhất trên cơ sở quy định của nhà nước.

- Nhà thầu phải cung cấp cho Chủ đầu tư bản sao y những tài liệu sau:

+ Chứng chỉ bảo hành của nhà sản xuất hoặc cung cấp.

+ Giấy Chứng nhận xuất xứ CO và chứng chỉ chất lượng CQ (đối với hàng hóa nhập khẩu nguyên chiếc), giấy chứng nhận xuất xưởng đi kèm theo thiết bị đối với các thiết bị sản xuất trong nước.

- Kết quả thí nghiệm vật liệu, sản phẩm cần nghiệm thu (nếu có).

4. Chạy thử công trình (nếu có)

Trước khi bắt đầu chạy thử khi hoàn thành, Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư các tài liệu hoàn công, các sổ tay vận hành và bảo trì phù hợp với đặc tính kỹ thuật với đầy đủ chi tiết để vận hành, bảo trì, tháo dỡ lắp đặt lại, điều chỉnh và sửa chữa. Nhà thầu phải cung cấp các máy móc, sự trợ giúp, tài liệu và các thông tin khác, điện, thiết bị, nhiên liệu, vật dụng, dụng cụ, người lao động, vật liệu và nhân viên có trình độ và kinh nghiệm cần thiết để tiến hành chạy thử cụ thể một cách hiệu quả. Nhà thầu phải thống nhất với Chủ đầu tư về thời gian, địa điểm tiến hành chạy thử của thiết bị, vật liệu và các hạng mục công trình.

Chủ đầu tư phải thông báo trước 01 ngày cho Nhà thầu về ý định của mình là sẽ tham gia vào lần chạy thử. Nếu như Chủ đầu tư không tham gia vào lần chạy thử tại địa điểm và thời gian đã thỏa thuận, Nhà thầu có thể tiến hành chạy thử và việc chạy thử coi như đã được tiến hành với sự có mặt của Chủ đầu tư, trừ khi có sự chỉ dẫn khác từ phía Chủ đầu tư.

Nhà thầu phải trình cho Chủ đầu tư các báo cáo có xác nhận về các lần chạy thử. Khi các lần chạy thử cụ thể đã được tiến hành xong, Chủ đầu tư sẽ chấp thuận biên bản chạy thử của Nhà thầu. Nếu như Chủ đầu tư không tham gia vào các cuộc kiểm định, coi như đã chấp nhận các báo cáo là chính xác.

5. Nghiệm thu, bàn giao công trình và các hạng mục công trình

Sau khi các công việc theo hợp đồng được hoàn thành, công trình chạy thử (nếu có) đáp ứng các điều kiện để nghiệm thu theo quy định tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng, yêu cầu của hợp đồng thì Nhà thầu và Chủ đầu tư tiến hành nghiệm thu công trình. Sau khi công trình đủ điều kiện để nghiệm thu, hai bên lập biên bản nghiệm thu, bàn giao công trình hoàn thành theo hợp đồng.

Nếu có những công việc nhỏ còn tồn đọng lại và các sai sót về cơ bản không làm ảnh hưởng đến việc sử dụng công trình thì những tồn đọng này được ghi trong biên bản nghiệm thu, bàn giao công trình và Nhà thầu phải có trách nhiệm hoàn thành những tồn đọng này bằng chi phí của mình.

Trường hợp công trình chưa đủ điều kiện để nghiệm thu, bàn giao: các bên xác định lý do và nêu cụ thể những công việc mà Nhà thầu phải làm để hoàn thành công trình.

6. Trách nhiệm của Nhà thầu đối với các sai sót:

a) Bằng kinh phí của mình Nhà thầu phải hoàn thành các công việc còn tồn đọng vào ngày đã nêu trong biên bản nghiệm thu.

b) Trường hợp không sửa chữa được sai sót:

- Nếu Nhà thầu không sửa chữa được các sai sót hay hư hỏng trong khoảng thời gian hợp lý, Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư có thể ấn định ngày để sửa chữa các sai sót hay hư hỏng và thông báo cho Nhà thầu biết về ngày này.

- Nếu Nhà thầu không sửa chữa được các sai sót hay hư hỏng vào ngày đã được thông báo, Chủ đầu tư (tùy theo lựa chọn) có thể tự tiến hành công việc hoặc thuê người khác sửa chữa và Nhà thầu phải chịu mọi chi phí. Nhà thầu sẽ không phải chịu trách nhiệm về công việc sửa chữa nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tiếp tục nghĩa vụ của mình đối với công trình theo hợp đồng.

c) Nếu sai sót hoặc hư hỏng dẫn đến việc Chủ đầu tư không sử dụng được công trình hay phần lớn công trình cho mục đích đã định thì Chủ đầu tư sẽ chấm dứt hợp đồng; khi đó, Nhà thầu sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Chủ đầu tư theo hợp đồng và theo các quy định pháp luật.

d) Nếu sai sót hoặc hư hỏng không thể sửa chữa ngay trên công trường được và được Chủ đầu tư đồng ý, Nhà thầu có thể chuyển khỏi công trường thiết bị hoặc cấu kiện bị sai sót hay hư hỏng để sửa chữa.

7. Các kiểm định thêm

Nếu việc sửa chữa sai sót hoặc hư hỏng làm ảnh hưởng đến sự vận hành của công trình, Chủ đầu tư có thể yêu cầu tiến hành lại bất cứ cuộc kiểm định nào nêu trong hợp đồng, bao gồm cả các cuộc kiểm định khi hoàn thành và kiểm định sau khi hoàn thành. Yêu cầu này được thông báo trong khoảng thời gian 30 ngày sau khi đã sửa chữa sai sót hoặc hư hỏng.

Các kiểm định này phải được tiến hành theo các điều kiện được áp dụng cho các kiểm định trước, chỉ khác là được tiến hành bằng kinh phí của Nhà thầu.

8. Những nghĩa vụ chưa được hoàn thành

Sau khi đã cấp biên bản nghiệm thu, bàn giao; mỗi bên sẽ phải chịu trách nhiệm hoàn thành các nghĩa vụ vẫn chưa được thực hiện tại thời điểm đó. Hợp đồng vẫn được coi là có hiệu lực đối với nội dung và phạm vi của những nghĩa vụ chưa được hoàn thành.

Điều 32. Quyết toán và thanh lý Hợp đồng

1. Quyết toán hợp đồng

Trong vòng 60 ngày sau khi nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của Hợp đồng, Nhà thầu sẽ trình cho Chủ đầu tư 10 (Bộ) quyết toán Hợp đồng với các tài liệu trình bày chi tiết theo mẫu mà Chủ đầu tư đã chấp thuận, bao gồm các tài liệu sau:

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ công việc thuộc phạm vi Hợp đồng;
- Bản xác nhận giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi Hợp đồng;
- Bảng tính giá trị quyết toán Hợp đồng (gọi là quyết toán A-B), trong đó nêu rõ phần đã thanh toán và giá trị còn lại mà Chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán cho Nhà thầu;
- Hồ sơ hoàn công, nhật ký thi công xây dựng công trình;
- Các tài liệu khác theo thỏa thuận trong Hợp đồng (nếu có).
- Thời hạn Nhà thầu giao nộp hồ sơ quyết toán Hợp đồng không được quá 60 ngày kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc cần thực hiện theo Hợp đồng, bao gồm cả công việc phát sinh (nếu có).

2. Thanh lý Hợp đồng

a) Hợp đồng được thanh lý trong trường hợp:

- Các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng đã ký;
- Hợp đồng bị chấm dứt (hủy bỏ) theo quy định của Điều 29 ĐKC.

b) Việc thanh lý Hợp đồng phải được hoàn tất trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày các bên tham gia Hợp đồng hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng hoặc Hợp đồng bị chấm dứt (hủy bỏ) theo Điều a Khoản 2 Điều này.

3. Chấm dứt trách nhiệm của Chủ đầu tư

Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm với Nhà thầu về bất cứ việc gì và vấn đề gì theo Hợp đồng hoặc liên quan đến Hợp đồng sau khi thanh lý Hợp đồng.

Điều 33. Điều khoản chung

Các bên đồng ý với tất cả các điều khoản, quy định và điều kiện của hợp đồng này. Không có cơ quan nào hoặc đại diện của bên nào có quyền đưa ra tuyên bố, trình bày, hứa hẹn hoặc thỏa thuận nào mà không được nêu ra trong hợp đồng; Không bên nào bị ràng buộc hoặc có trách nhiệm trước các điều đó.

Các bên cam kết thực hiện một cách trung thực, công bằng và đảm bảo để thực hiện theo mục tiêu của hợp đồng.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Số lượng trang, số lượng phụ lục, số bản được thành lập, ngôn ngữ hợp đồng, giá trị pháp lý, số bản Chủ đầu tư sẽ giữ, số bản Nhà thầu vẫn sẽ giữ [quy định tại ĐKCT].

PHẦN 4: ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

- ĐKC 1.1** Chủ đầu tư là: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
- ĐKC 1.3** Nhà thầu: Liên danh YTV – 129.
- ĐKC 1.11** Địa điểm dự án: Huyện Bình Chánh, Thành Phố Hồ Chí Minh
- ĐKC 4.1** Các thông báo cần gửi về Chủ đầu tư theo địa chỉ dưới đây:
- Nơi nhận: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh
 - Địa chỉ: Số 115 Trần Quang Khải, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
 - Điện thoại: (028)38247663
 - Địa chỉ email: bqlddcn@tphcm.gov.vn
- ĐKC 5.1**
- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3% giá hợp đồng tương ứng **6.932.762.336 đồng** (Sáu tỷ, chín trăm ba mươi hai triệu, bảy trăm sáu mươi hai nghìn, ba trăm ba mươi sáu đồng) và được Ngân hàng cam kết thanh toán vô điều kiện mà không cần chứng minh hay chỉ rõ các căn cứ hay lý do yêu cầu, cũng như không cần có sự đồng ý của Nhà thầu.
 - Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi công trình được nghiệm thu, bàn giao và Nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo

hành theo quy định.

ĐKC 5.3 Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Chủ đầu tư phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Nhà thầu ngay sau khi hoặc không chậm hơn 15 ngày kể từ khi công trình được nghiệm thu, bàn giao, đồng thời Nhà thầu đã chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định.

ĐKC 6.1 Danh sách nhà thầu phụ: không có.

ĐKC 7.2 Thời gian để tiến hành hòa giải: 30 ngày

Giải quyết tranh chấp:

+ Trường hợp tranh chấp giữa 2 bên không thể giải quyết thông qua thương lượng hoà giải, thì bất cứ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết tại Toà án kinh tế cấp có thẩm quyền.

+ Trong thời gian chờ đợi phân xử của Toà án, nhà thầu vẫn phải chịu trách nhiệm thực hiện hợp đồng theo đúng tiến độ, không vì lý do tranh chấp mà trì trệ công việc đối với từng hạng mục hay tạm ngừng thực hiện hợp đồng. Nếu không thực hiện quy định trên thì nhà thầu phải bồi thường cho Chủ đầu tư theo quy định tại điều khoản chậm trễ hoàn thành hợp đồng.

+ Quyết định của Toà án là quyết định cuối cùng ràng buộc các bên phải thực hiện.

ĐKC 9 - Nhà thầu phải cung cấp các thông tin và chứng từ sau đây: Các giấy tờ cần có theo Luật định và hóa đơn tài chính theo quy định của Pháp luật.

- Chủ đầu tư phải nhận được các thông tin và chứng từ nêu trên trước khi hàng hóa đến địa điểm quy định, nếu không Nhà thầu sẽ phải chịu mọi chi phí phát sinh có liên quan.

ĐKC 11.1 Loại hợp đồng: Trọn gói

ĐKC 11.2 Giá hợp đồng: Cố định, là giá hợp đồng không thay đổi trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng đối với khối lượng các công việc thuộc phạm vi hợp đồng đã ký kết, trừ trường hợp bất khả kháng và thay đổi phạm vi công việc phải thực hiện.

Giá hợp đồng được xác định với số tiền là: **231.092.077.878 đồng** (Hai trăm ba mươi một tỷ, không trăm chín mươi hai triệu, không trăm bảy mươi bảy nghìn, tám trăm bảy mươi tám đồng).

Trong đó:

- Giá trị phần công việc do Công ty Cổ phần thiết bị Công nghệ Y tế Việt thực hiện là: **41.896.993.719 đồng** (Bốn mươi một tỷ, tám trăm chín mươi sáu triệu, chín trăm chín mươi ba nghìn, bảy trăm mười chín đồng).

- Giá trị phần công việc do Công ty TNHH một thành viên 129 – Ban cơ yếu Chính Phủ thực hiện là: **96.665.816.176 đồng** (Chín mươi sáu tỷ, sáu trăm sáu mươi lăm triệu, tám trăm mười sáu nghìn, một trăm bảy mươi sáu đồng).
- Giá trị phần công việc do Công ty Cổ phần Thương mại và Công nghệ cao Phương Đông thực hiện là: **26.275.169.255 đồng** (Hai mươi sáu tỷ, hai trăm bảy mươi lăm triệu, một trăm sáu mươi chín nghìn, hai trăm năm mươi lăm đồng).
- Giá trị phần công việc do Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Bách Việt thực hiện là: **42.520.942.330 đồng** (Bốn mươi hai tỷ, năm trăm hai mươi triệu, chín trăm bốn mươi hai nghìn, ba trăm ba mươi đồng).
- Giá trị phần công việc do Công ty Cổ phần Công nghệ ZINCO thực hiện là: **23.733.156.398 đồng** (Hai mươi ba tỷ, bảy trăm ba mươi ba triệu, một trăm năm mươi sáu nghìn, ba trăm chín mươi tám đồng).

ĐKC 12.3 Điều chỉnh thuế: Được phép.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời Nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.

ĐKC 13.1 Tạm ứng:

- Chủ đầu tư sẽ tạm ứng 30% giá trị hợp đồng tương ứng 69.327.623.363 đồng (Sáu mươi chín tỷ, ba trăm hai mươi bảy triệu, sáu trăm hai mươi ba nghìn, ba trăm sáu mươi ba đồng) sau khi nhận được chứng thư bảo đảm thực hiện hợp đồng, bảo lãnh tạm ứng hợp đồng tương ứng với số tiền tạm ứng và văn bản đề nghị tạm ứng của Nhà thầu. Trường hợp Chủ đầu tư tạm ứng lần đầu cho Nhà thầu chưa đủ giá trị tạm ứng trong hợp đồng thì Nhà thầu sẽ được tạm ứng phần còn lại khi vốn ngân sách được cấp trong đợt tiếp theo.
- Hiệu lực của bảo lãnh tạm ứng: Bảo lãnh tạm ứng có hiệu lực trong thời gian 24 tháng kể từ ngày phát hành chứng thư của Ngân hàng hoặc cho đến khi Chủ đầu tư thu hồi hết số tiền tạm ứng, tùy theo điều kiện nào đến trước.
- Trường hợp số dư tạm ứng vẫn còn nhưng thời gian bảo lãnh tạm ứng trong chứng thư của Nhà thầu sắp hết hạn thì Nhà thầu phải gia hạn bảo lãnh tạm ứng với số tiền tương ứng khoản tạm ứng chưa thu hồi trong vòng 15 ngày trước ngày hết hạn.
- Nếu Nhà thầu không tiếp tục gia hạn bảo lãnh tạm ứng, Chủ đầu tư sẽ thu hồi toàn bộ số tiền tạm ứng còn lại của Nhà thầu trước khi hết hạn

bảo lãnh tạm ứng trên đợt khối lượng thanh toán gần nhất trước khi hết hạn bảo lãnh tạm ứng; hoặc Nhà thầu phải nộp hoàn trả ngân sách số tiền tạm ứng còn lại trước khi hết hạn bảo lãnh tạm ứng; hoặc Chủ đầu tư sẽ đề nghị Ngân hàng bảo lãnh hoàn trả cho Chủ đầu tư số tiền tạm ứng còn lại trước khi hết hạn bảo lãnh tạm ứng.

- Thời gian tạm ứng: Trong vòng 15 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ đề nghị tạm ứng hợp lệ của Nhà thầu, Chủ đầu tư sẽ hoàn thành các thủ tục chuyển Kho bạc nhà nước.

- Thu hồi tạm ứng:

+ Tiền tạm ứng sẽ được Chủ đầu tư thu hồi dần qua các lần thanh toán khối lượng hoàn thành theo công thức như sau:

Số tiền thu hồi tạm ứng kỳ này = (Tỷ lệ KLHT kỳ này x Số tiền tạm ứng)/80%

+ Chủ đầu tư sẽ thu hồi tạm ứng ngay từ lần thanh toán đầu tiên và đảm bảo thu hồi hết khi giá trị thanh toán (bao gồm cả tạm ứng và thanh toán khối lượng hoàn thành) đạt 80% giá trị hợp đồng.

+ Nếu quá thời hạn 30 ngày kể từ ngày bàn giao mặt bằng mà Nhà thầu chưa tiến hành công việc theo hợp đồng hoặc khi phát hiện nhà thầu sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích, Chủ đầu tư sẽ thu hồi tiền đã tạm ứng để hoàn trả ngân sách nhà nước.

+ Trường hợp tạm ứng vẫn chưa được hoàn trả trước khi ký biên bản nghiệm thu công trình và trước khi chấm dứt Hợp đồng (tùy từng trường hợp), khi đó toàn bộ số tiền tạm ứng chưa thu hồi được này sẽ là nợ đến hạn và Nhà thầu phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Chủ đầu tư.

- Tiền giữ lại: Chủ đầu tư giữ lại 8% giá trị hợp đồng, trong đó 3% để bảo hành và 5% chờ quyết toán dự án.

- Thanh toán tiền giữ lại:

+ Thanh toán 3% bảo hành sau khi kết thúc thời hạn bảo hành hoặc Nhà thầu nộp cho Chủ đầu tư chứng thư bảo lãnh bảo hành.

+ Giá trị giữ lại chờ quyết toán dự án sẽ được thanh toán sau khi có quyết định phê duyệt quyết toán dự án của cơ quan có thẩm quyền.

ĐKC 14.2 Phương thức thanh toán:

- Chủ đầu tư sẽ thanh toán đến 80% giá trị khối lượng nghiệm thu cho từng đợt thiết bị được Nhà thầu tập kết đến công trường sau khi Nhà thầu cung cấp cho Chủ đầu tư các chứng nhận, chứng chỉ, thông tin, tài liệu liên quan (CO, CQ, kiểm định hàng hóa của đơn vị có liên quan, chứng từ hải quan) theo quy định của hợp đồng, quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm hàng hóa và pháp luật có liên quan.

- Chủ đầu tư sẽ thanh toán đến 100% giá trị khối lượng hoàn thành của từng đợt. Nhưng tổng giá trị thanh toán lũy kế của các đợt trước khi thanh toán đợt cuối không vượt quá 92% giá trị hợp đồng hoặc giá trị hợp đồng điều chỉnh (nếu có) không bao gồm chi phí dự phòng.

- Sau khi công trình được nghiệm thu đưa vào sử dụng và Chủ đầu tư nhận được chứng thư bảo lãnh bảo hành hợp lệ, Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu đến 95% giá trị nghiệm thu hoàn thành.

- Sau khi có kết quả phê duyệt quyết toán của cấp có thẩm quyền, Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu giá trị còn lại trên cơ sở giá trị được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết toán.

- Hồ sơ thanh toán hợp đồng: Trong vòng 07 ngày kể từ ngày nghiệm thu, Nhà thầu phải cung cấp cho Chủ đầu tư đầy đủ bộ hồ sơ thanh toán theo quy định dưới đây:

+ Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành trong giai đoạn thanh toán (theo mẫu nghiệm thu chất lượng có ghi khối lượng) có xác nhận của đại diện Chủ đầu tư, tư vấn giám sát và Nhà thầu.

+ Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng.

+ Bảng xác định giá trị khối lượng phát sinh (nếu có) nằm ngoài phạm vi công việc phải thực hiện theo hợp đồng đã ký kết có xác nhận của đại diện Chủ đầu tư hoặc đại diện nhà tư vấn (nếu có) và đại diện Nhà thầu.

+ Đề nghị thanh toán của Nhà thầu cần thể hiện các nội dung: Giá trị khối lượng hoàn thành theo hợp đồng, giá trị khối lượng các công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng, giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn sau khi đã bù trừ các khoản này có xác nhận của đại diện Chủ đầu tư và đại diện Nhà thầu.

+ Nhà thầu có trách nhiệm cung cấp hóa đơn giá trị gia tăng theo quy định hiện hành cho Chủ đầu tư theo từng đợt thanh toán.

- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

- Liên danh thống nhất sử dụng số tài khoản của Công ty Cổ phần Thiết bị công nghệ Y tế Việt để nhận toàn bộ số tiền tạm ứng, thanh toán, quyết toán từ Chủ đầu tư với thông tin như sau:

+ Tên tài khoản: **Công ty Cổ phần Thiết bị công nghệ Y tế Việt**

+ Số tài khoản: **0581100336688** tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Thăng Long – Hà Nội.

ĐKC 18.2 Việc đóng gói, ghi chú đối với hàng hóa, các giấy tờ bên trong và bên ngoài kiện hàng: Theo tiêu chuẩn nhà sản xuất

ĐKC 19 Nội dung bảo hiểm: Nhà thầu có trách nhiệm mua bảo hiểm cho toàn

bộ hàng hóa phù hợp với quy định hiện hành của Việt Nam.

- ĐKC 20.1** Trách nhiệm vận chuyển hàng hóa được thực hiện như sau: Theo hợp đồng, Nhà thầu phải vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án. Việc vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án, bao gồm cả bảo hiểm và lưu kho theo quy định trong hợp đồng, do Nhà thầu thực hiện; các chi phí liên quan được tính trong giá hợp đồng.
- ĐKC 21.1** Kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa: Tại thời điểm bàn giao, nghiệm thu thiết bị.
- ĐKC 21.2** Việc kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được thực hiện tại: Đơn vị thụ hưởng.
- ĐKC 22** 1. Phạt vi phạm hợp đồng: Áp dụng
Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Điều 26 ĐKC, nếu Nhà thầu không thể giao hàng hay cung cấp các dịch vụ liên quan theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Chủ đầu tư có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền phạt tương ứng với: 0,1%/tuần cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Chủ đầu tư sẽ khấu trừ đến 12%. Khi đạt đến mức phạt tối đa, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Điều 29 ĐKC.
2. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng
Nhà thầu phải Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế.
- ĐKC 23.3** - Thời hạn bảo hành là: Thực hiện việc bảo hành công trình trong thời gian 24 tháng kể từ khi thiết bị được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng hoặc bảo hành theo quy định của nhà sản xuất nhưng không nhỏ hơn 24 tháng. Với mức bảo hành là: 3% giá trị hợp đồng.
- Thời gian nộp bảo đảm bảo hành công trình: Trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận được Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình, đưa vào sử dụng.
- Nhà thầu chỉ được hoàn trả tiền bảo hành công trình sau khi kết thúc thời hạn bảo hành và được Chủ đầu tư xác nhận đã hoàn thành công việc bảo hành.
- Địa điểm để áp dụng bảo hành là: Dự án Xây dựng Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch (cơ sở 2).
- ĐKC 23.5** Thời hạn sửa chữa, thay thế là: 02 ngày
- ĐKC 23.6**
- ĐKC 27.7 (d)** Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0% giá trị giảm giá hợp đồng.

ĐKC 32

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

- Hợp đồng này được lập thành 20 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Chủ đầu tư sẽ giữ 08 bản, Nhà thầu, tư vấn sẽ giữ 12 bản./.

**ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Văn Dũng

**ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU
CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ Y TẾ VIỆT
GIÁM ĐỐC**



Đặng Văn Cảnh

**CÔNG TY TNHH
MỘT THÀNH VIÊN 129-
BAN CƠ YẾU CHÍNH PHỦ
GIÁM ĐỐC**



Phạm Mạnh Tuấn

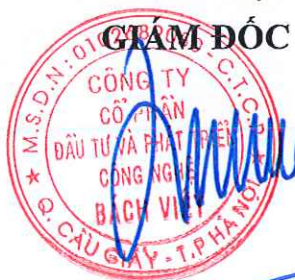
**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI
VÀ CÔNG NGHỆ CAO PHƯƠNG ĐÔNG**

TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Duy Đông

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ
BÁCH VIỆT**



Mai Thái Hà

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ
ZINCO**



Đinh Thị Thu Phương

AN
AN
X
H D
NG

8